TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/DS-ST
Ngày: 24/11/2018
Về "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Túc
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Đình Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2018/TLST-DS ngày 14/8/2018 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty V (VPB FC).

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 Đoàn Văn Bơ, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H (Theo văn bản ủy quyền số 80/UQ – VH.18 ngày 13/6/2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty V).

Người được ủy quyền lại: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1994, địa chỉ: 24 Tống Duy Tân, phường H, Quận L, Thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 3793/UQTA – VH.18 ngày 01/7/2018).

2.Bị đơn: Ông Trần Bình Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Hẻm 67 đường T, tổ 9, phường N, thành phố Q, tỉnh N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2018, bản trình tự khai ngày 10/10/2018, tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của

nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/07/2016, ông Trần Bình Đ có ký hợp đồng tín dụng số 20160801-145001-1977 với Công ty V để vay số tiền 36.766.449 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.17%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Đ có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 71.607.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu mỗi tháng là 1.990.000 đồng, tháng cuối là 1.957.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 05/9/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ chỉ trả được 02 lần với tổng số tiền là 3.980.000 đồng (trong đó tiền gốc là 935.214 đồng, lãi là 3.044.786 đồng) kể từ ngày 19/10/2016, ông Đ không trả bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi số tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/11/2018) là: 34.840.551 đồng (tổng số tiền lãi của 36 kỳ) - 3.215.966 đồng (tổng số tiền lãi của các kỳ đến thời điểm xét xử mà chưa thanh toán) – 3.044.786 đồng (số tiền lãi đã trả) = 28.579.799 đồng.

Do đó, Công ty V (VPB FC) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ thanh lý hợp đồng trả một lần tổng số tiền: 64.411.034 đồng. Trong đó: nợ gốc là 35.831.235 đồng, nợ lãi là 28.579.799 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh trên số nợ gốc khi bản án của Tòa án có hiệu lực.

Bị đơn ông Trần Bình Đ vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng có văn bản tự khai ngày 06/11/2018 thừa nhận còn nợ Công ty V (VPB FC) số tiền 67.627.000 đồng (trong đó nợ tiền gốc là 35.831.235 đồng và nợ tiền lãi là 31.795.765 đồng) nhưng vì điều kiện gia đình đang khó khăn vợ ốm đau nên xin Công ty cho trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng. Ông Đ viết đơn xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra chứng cứ hòa giải, xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan, điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã có lời trình bày tại hồ sơ và có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ý kiến về việc giải quyết

vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty V yêu cầu anh Trần Bình Đ có địa chỉ tại Hẻm 67 đường T, tổ 9, phường N, thành phố Q, tỉnh N phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 64.411.034 đồng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20160801–145001–1977 ngày 30/7/2016. Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn đã nhận và viết bản tự khai ngày 06/11/2018, có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Hợp đồng tín dụng số 20160801–145001–1977 ngày 30/7/2016 và văn bản thỏa thuận về việc tất toán Hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới ngày 30/7/2016 được giao kết giữa Công ty với ông Trần Bình Đ đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, theo đó ông Đ đã vay Công ty số tiền gốc là 36.766.449 đồng và theo kế hoạch trả nợ ông Đ phải trả gồm 36 kỳ với tổng số tiền gốc là 36.766.449 đồng và tiền lãi là 34.840.551 đồng, tổng cộng là 71.607.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông Đ đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty V hai lần với tổng số tiền đã trả 3.980.000 đồng (trong đó tiền gốc 935.214 đồng, tiền lãi 3.044.786 đồng). Kể từ ngày 19/10/2016 đến nay, ông Đ không thanh toán thêm bất cứ khoản nào. Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 06/11/2018, ông Đ thừa nhận còn nợ Công ty V (VPB – FC) số tiền là 67.627.000 đồng (trong đó tiền gốc là 35.831.235, tiền lãi là 31.795.765 đồng), nhưng vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn yêu cầu Công ty cho trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng nhưng Công ty không đồng ý bởi lẽ kéo dài thời hạn thanh toán là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi mức tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22/11/2018) là 28.579.799 đồng là có lợi hơn cho bị đơn và phù hợp với quy định thỏa thuận trong hợp đồng giữa hai bên đã giao kết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính lại lãi của nguyên đơn, chỉ buộc bị đơn trả số lãi là 28.579.799 đồng.

Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 35.831.235 đồng, số tiền lãi là 28.579.799 đồng. Tổng cộng là 64.411.034 đồng là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Trần Bình Đ phải chịu: (64.411.034 đồng x 5%) = 3.220.552 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty V (VPB–FC) tiền tạm ứng án phí 1.690.675 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003531 ngày 09/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

[4] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V (VPB – FC) về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng số 20160801-145001-1977 ngày 30/7/2016.

Buộc ông Trần Bình Đ phải thanh toán cho Công ty V (VPB – FC) số tiền nợ gốc là 35.831.235 đồng và lãi là 28.579.799 đồng. Tổng cộng là 64.411.034 đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm mười một nghìn không trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Bình Đ phải chịu 3.220.552 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty V (VPB – FC) số tiền 1.690.675 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003531 ngày 09/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND thành phố Q;*
- *Chi cục THADS TP.Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc